TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN BÌNH** TỈNH YÊN BÁI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 12 - 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Thái

2. Ông Đinh Xuân Trường

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Thị Kim Thao – Thư ký Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà:* Bà NguyễnThị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 125/2021/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXX - ST ngày 16 tháng 11 năm 2021,Thông báo mở lại phiên tòa số 37/TB-TA ngày 10-12-2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lục Thị Thu H , sinh năm 1988; ĐKHKTT: Thôn N.V, xã T.H, huyện Y.B, tỉnh Yên Bái; chỗ ở hiện tại: Thôn T, xã C.A, huyện Y.B, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Lê Trọng N, sinh năm 1986; trú tại thôn N.V, xã T.H, huyện Y.B, tỉnh Yên Bái.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh N đã dược triệu hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 04 tháng 10 năm 2021 và các bản tự khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Lục Thị Thu H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Trọng N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 10 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T.H, huyện Y.B, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh N chơi bời, nghiện ma túy, đánh đập chị, dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng thẳng; chị đã khuyên bảo anh N nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, xã C.A, huyện Y.B, tỉnh Yên Bái sống, vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh N không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Trọng N.

Về con chung: Chị và anh Lê Trọng N có 02 con chung là cháu Lê Thị H.L, sinh ngày 22-6-2011 và cháu Lê.Y.N, sinh ngày 29-3-2017. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con; chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện cả hai con đang ở cùng với chị tại thôn T, xã C.A, huyện Y.B, tỉnh Yên Bái.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Trọng N vẫn sinh sống tại địa phương, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Cháu Lê Thị H.L có nguyện vọng xin được ở với bố.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được bảo đảm đúng quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1

Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Xử cho chị Lục Thị Thu H được ly hôn với anh Lê Trọng N; giao cháu Lê Thị H.L và cháu Lê.Y.N cho chị Lục Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo pháp luật. Anh Lê Trọng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Lục Thị Thu H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Lê Trọng N có hộ khẩu thường trú tại thôn N.V, xã T.H, huyện Y.B, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Lục Thị Thu H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Chị Lục Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lê Trọng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Lục Thị Thu H và anh Lê Trọng N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T.H, huyện Y.B, tỉnh Yên Bái ngày 22-10- 2010. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là hôn nhân hợp pháp.

Chị H xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, anh N nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình; chị đã nhiều lần khuyên bảo anh N nhưng không có kết quả; vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mặt khác, anh Lê Trọng N không đến Tòa án hòa giải thể hiện không có thiện chí đoàn tụ. Tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia

đình năm 2014 xử cho chị Lục Thị Thu H được ly hôn với anh Lê Trọng N.

[3] *Về nuôi con chung:*

Đối với cháu Lê.Y.N còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ; đối với cháu Lê Thị H.L có nguyện vọng ở với bố; tuy nhiên anh N không đến Tòa án, không có ý kiến về việc nuôi con và không xuất trình các tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con; do vậy căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Lục Thị Thu H xuất trình thấy rằng, mẹ con chị H đã có chỗ ở ổn định cùng với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị H trú tại thôn T, xã C.A, huyện Y.B, tỉnh Yên Bái có xác nhận của chính quyền địa phương; ngoài ra chị Lục Thị Thu H còn có xác nhận mức thu nhập ổn định nơi chị làm việc; Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của các con, cần giao cả hai con cho chị Lục Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị Lục Thị Thu H không yêu cầu nên không xét.

[4] *Về tài sản và nợ chung:* Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5]*Về án phí:* Chị Lục Thị Thu H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chị Lục Thị Thu H được ly hôn anh Lê Trọng N.

2. Về con chung: Giao cho chị Lục Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lê Thị H.L sinh ngày 22-6-2011 và cháu Lê.Y.N sinh ngày 29-3-2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Lê Trọng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lục Thị Thu H phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số AAA/2021/0001507 ngày 04-10- 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, (chị H đã nộp đủ án phí).

Chị Lục Thị Thu H và anh Lê Trọng N được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh; Các đương sự;*
- *UBND xã T.H*
- *VKS huyện Yên Bình; CC THADS huyện*
- *Lưu HS, TA.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Đỗ Thị Thanh